

Số: 300/BC- BDCL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO
KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ NGƯỜI HỌC
VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT
Học kỳ 2 năm học 2022-2023

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tại quy định kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Cục quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT – BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ kế hoạch số 1961/KH-TĐHYKPNT ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng về triển khai thực hiện nhiệm vụ chương trình công tác năm 2022 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Kế hoạch số 821/KH- TĐHYKPNT ngày 10 tháng 03 năm 2023 về việc ban hành triển khai Kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2023 – 2028 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Kế hoạch số 970/KH-TĐHYKPNT ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc ban hành Kế hoạch khảo sát của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2023.

Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ 2 năm học 2022-2023.

I MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm thu thập thông tin phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, từ đó có những điều chỉnh cần thiết giúp cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục và đào tạo của nhà trường.
- Tiếp thu ý kiến, góp ý của người học nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học.
- Làm cơ sở để bổ sung, điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp với nhu cầu xã hội từ đó nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả giáo dục của nhà trường, đáp ứng sự mong đợi của người học về chất lượng hoạt động đào tạo.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác sau kiểm định.

2. Yêu cầu

Người học cho ý kiến phản hồi phải hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, và trung thực trong việc cung cấp thông tin theo phiếu khảo sát.

Công tác khảo sát được tiến hành định kỳ vào mỗi học kỳ của năm học, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến kết quả và điều kiện học tập của người học.

Bộ công cụ lấy ý kiến phản hồi phản ánh đầy đủ, khách quan về học phần và chất lượng giảng dạy, đánh giá trong học phần, các điều kiện bảo đảm chất lượng.

Thông tin, kết quả khảo sát được xử lý khách quan, trung thực, tin cậy, chính xác, bảo mật, được sử dụng đúng mục đích.

II . THỜI GIAN –ĐỐI TƯỢNG

1. Thời gian: Từ tháng 03/2023 đến 12/2023.

2. Đối tượng tham gia khảo sát: Người học: bao gồm các đối tượng sau:

- Sinh viên đại học
- Thạc sĩ
- Nội trú
- Học viên CKI
- Học viên CKII

Bảng 2. 1: Phân bố cỡ mẫu thu thập

	Sinh viên	Cao học	Nội trú	Chuyên khoa 1	Chuyên khoa 2	Tổng
Khoa Dược	997	2	6	2	2	1,009
Khoa Dược	177	0	0	0	0	177
Khoa Răng hàm mặt	50	0	0	0	0	50
Khoa Dược Việt - Đức	10	0	0	0	0	10
Khoa Dược tế công cộng	79	3	0	0	1	83
Ngành khúc xạ nhãn khoa	40	0	0	0	0	40
Ngành kỹ thuật xét nghiệm y học	61	0	0	1	0	62
Ngành Điều dưỡng đa khoa	142	2	0	4	0	148
Khác	88	0	0	0	0	88
Total	1,644	7	6	7	3	1,667

III . CÔNG CỤ KHẢO SÁT

Công cụ sử dụng trong quá trình khảo sát: Công cụ sử dụng trong quá trình khảo sát là bảng câu hỏi cấu trúc và nội dung sau:

1. Cấu trúc bảng hỏi: Phiếu khảo sát được chia thành 5 nội dung cơ bản như sau:

- Nội dung 1: Thông tin chung về học phần, gồm các câu từ 1-6.
- Nội dung 2: Phương pháp giảng dạy của giảng viên gồm các câu từ 7-14.
- Nội dung 3: Nội dung giảng dạy gồm các câu từ 15-20.
- Nội dung 4: Kiểm tra đánh giá gồm các câu từ 21- 28.
- Nội dung 5: Tác phong sư phạm gồm các câu từ 29-35.

2. Thang đo

Phiếu khảo sát sử dụng thang đo Likert tương ứng với 5 mức độ:

- 1 điểm: Hoàn toàn không đồng ý.
- 2 điểm: Không đồng ý.
- 3 điểm: Không ý kiến.
- 4 điểm: Đồng ý.
- 5 điểm: Hoàn toàn đồng ý.

Đồng ý và Hoàn toàn đồng ý: được tính là hài lòng.

Căn cứ vào số liệu có giá trị thống kê, kết quả được phân loại như sau:

Bảng 3. 1: Cách tính điểm trung bình về ý kiến phản hồi của người học

TT	Điểm trung bình	Mức ý kiến phản hồi	Mức đánh giá nhận xét
1	4,21-5,0	Tốt	Rất hài lòng về hoạt động giảng dạy của giảng viên, cần tiếp tục duy trì và phổ biến điểm mạnh.
2	3,41-4,20	Khá	Hài lòng về hoạt động giảng dạy của giảng viên, cần tiếp tục khắc phục hạn chế và phát huy những điểm mạnh.
3	2,61-3,40	Trung bình	Phân vân về chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, cần khắc phục những hạn chế và hoàn thiện hơn nữa để đáp ứng tốt các yêu cầu.
4	1,81-2,60	Yếu	Không hài lòng về hoạt động giảng dạy của giảng viên, phải điều chỉnh để đáp ứng được các yêu cầu.
5	1-1,80	Kém	Rất không hài lòng về hoạt động giảng dạy của giảng viên, phải có giải pháp khắc phục ngay

3. **Hình thức thu thập:** Người học sẽ thực hiện khảo sát sau khi kết thúc môn học qua phiếu khảo sát thông qua Google form.

IV . KẾT QUẢ

1. Kết quả khảo sát của toàn trường

1.1. Thông tin chung về khảo sát của toàn trường

Bảng 4.1.1.1: Thông tin chung về khảo sát của toàn trường (n=1667)

	n	Tỉ lệ (%)
Giới tính		
Nam	720	43,19
Nữ	947	56,81
Xếp loại học lực		
Xuất sắc	0	0
Giỏi	134	10,45
Khá	751	58,58
Trung bình khá	310	24,18
Trung bình	78	6,08
Yếu	9	0,70
Thuộc diện học		
Học lần 1	1542	92,50
Học lại	21	1,26
Học cải thiện điểm	3	0,18
Khác	101	6,06

Nhận xét: Về giới tính: nam chiếm tỉ lệ 43,19%, nữ 56,81%.

Xếp loại học lực: không có người học đạt loại xuất sắc; loại giỏi chiếm 10,45%; khá và trung bình khá chiếm tỉ lệ cao (tổng 82,76%), trong đó khá 58,58%, trung bình khá 24,18%; trung bình 6,08%; yếu 0,70%.

Về diện học: học lần 1 chiếm đa số 92,50%; học lại 1,26%; học cải thiện điểm 0,18%; lý do khác chiếm 6,06%.

1.2. Kết quả về ý kiến phản hồi của người học theo từng nội dung khảo sát trên toàn trường

Bảng 4.1.2.1: Kết quả phản hồi của người học đối với cung cấp thông tin về học phần trên toàn trường (n=1667)

Nội dung	Trung bình	Tỉ lệ %					
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Hài lòng
Giảng viên/Bộ môn có phổ biến mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và yêu cầu của học phần	4,15	5,7	1,8	7,38	41,69	43,43	85,12
Giảng viên/Bộ môn có phổ biến hình thức kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá kết quả học tập khi bắt đầu học phần	4,16	5,52	2,16	7,98	39,65	44,69	84,34
Giảng viên/Bộ môn có cung cấp, giới thiệu đầy đủ thông tin về tài liệu học tập như giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo và trang Web	4,12	5,46	3,06	9,18	38,99	43,31	82,3
Thời lượng số tiết dành cho môn học này là phù hợp	3,82	7,68	8,22	13,68	35,75	34,67	70,42
Nội dung bài giảng lý thuyết bám sát đề cương chi tiết học phần	4,02	5,76	3,66	12	40,19	38,39	78,58
Học phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4,03	5,76	2,28	13,32	40,67	37,97	78,64

Nhận xét: Có ba nội dung có tỉ lệ hài lòng cao trên 80%: cao nhất là *Giảng viên/Bộ môn có phổ biến mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và yêu cầu của học phần* 85,12%. Kế tiếp là *Giảng viên/Bộ môn có phổ biến hình thức kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá kết quả học tập khi bắt đầu học phần* 84,34%, và đến *Giảng viên/Bộ môn có cung cấp, giới thiệu đầy đủ thông tin về tài liệu học tập như giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo và trang Web* 82,3%.

Nội dung có tỉ lệ hài lòng thấp nhất là *Thời lượng số tiết dành cho môn học này là phù hợp* 70,42%.

Bảng 4.1.2. 2: Kết quả phản hồi của người học về phương pháp giảng dạy của giảng viên trên toàn trường (n=1667)

Nội dung	Trung bình	Tỉ lệ (%)					
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Hài lòng
Giảng viên có giới thiệu về tài liệu phục vụ học tập học phần (giáo trình, bài giảng, sách tham khảo)	4,06	5,82	3,24	10,26	40,85	39,83	80,68
Giảng viên có phương pháp truyền đạt rõ ràng dễ hiểu	3,98	5,88	5,16	12,72	37,79	38,45	76,24
Giảng viên có sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực, khuyến khích sự chủ động tích cực của người học	3,96	5,94	4,56	14,16	38,75	36,59	75,34
Giảng viên yêu cầu người học áp dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn	3,99	5,58	3	14,28	41,09	36,05	77,14
Giảng viên có khuyến khích người học chuẩn bị bài vở ở nhà để hỗ trợ các hoạt động học tập diễn ra tại lớp	3,99	5,4	2,34	15,24	41,99	35,03	77,02
Giảng viên áp dụng đa dạng phương pháp dạy học nhằm khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm	3,92	5,58	3,96	17,7	38,33	34,43	72,76
Giảng viên tiếp thu ý kiến đóng góp và phản hồi kịp thời các thắc mắc của người học	4,01	5,58	3,18	13,5	39,83	37,91	77,74
Giảng viên tạo hứng thú học tập cho người học trong giờ học	3,91	6,06	4,92	16,74	36,53	35,75	72,28

Nhận xét: Phản hồi của người học về phương pháp giảng dạy của giảng viên. Tỉ lệ hài lòng dao động từ 72,28% đến 80,68%. Tỉ lệ hài lòng thấp nhất là cho nội dung *Giảng viên tạo hứng thú học tập cho người học trong giờ học* 72,28%. Tỉ lệ hài lòng thấp kế tiếp là cho nội dung *Giảng viên áp dụng đa dạng phương pháp dạy học nhằm khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm* 72,76%. Cao nhất là 80,68% cho nội dung *Giảng viên có giới thiệu về tài liệu phục vụ học tập học phần (giáo trình, bài giảng, sách tham khảo)*.

Bảng 4.1.2. 3: Kết quả phản hồi của người học về nội dung giảng dạy trên toàn trường (n=1667)

Nội dung	Trung bình	Tỉ lệ (%)					
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Hài lòng
Nội dung bài giảng được trình bày đầy đủ so với đề cương chi tiết môn học	3,99	5,52	4,5	12,84	39,53	37,61	77,14
Giảng viên thường xuyên liên hệ nội dung học phần và chương trình đào tạo	3,92	5,34	2,88	19,8	38,09	33,89	71,98
Giảng viên thường xuyên có liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn trong giảng dạy	4,05	5,46	2,34	12,36	41,33	38,51	79,84
Giảng viên cập nhật liên tục các nội dung và thông tin liên quan tới học phần	4,02	5,04	2,82	14,4	41,03	36,71	77,74
Nội dung giảng dạy vừa sức đối với người học	3,89	5,7	5,82	15,12	40,07	33,29	73,36
Nội dung giảng dạy thiết thực hữu ích	4,03	5,16	2,94	12,24	42,59	37,07	79,66

Nhận xét: Phản hồi của người học về nội dung giảng dạy. Có tỉ lệ hài lòng trong khoảng 70% đến 80%. Hai tỉ lệ hài lòng cao là *Giảng viên thường xuyên có liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn trong giảng dạy* 79,84% (cao nhất) và *Nội dung giảng dạy thiết thực hữu ích* 79,66%. Tỉ lệ hài lòng thấp nhất cho nội dung *Giảng viên thường xuyên liên hệ nội dung học phần và chương trình đào tạo* 71,98%.

Bảng 4.1.2 4: Kết quả phản hồi của người học về nội dung kiểm tra đánh giá trên toàn trường (n=1667)

Nội dung	Trung bình	Tỉ lệ (%)					
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Hài lòng
Hình thức, nội dung đề thi, kiểm tra phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần đã tuyên bố trong đề cương chi tiết học phần	3,94	6,24	4,44	14,22	39,11	35,99	75,1
Tiêu chí/thang điểm đánh giá được công khai	4,05	5,64	2,82	12,72	38,57	40,25	78,82
Kết quả thi, kiểm tra học tập được nhà trường, bộ môn và giảng viên thông báo nhanh chóng, kịp thời	4,04	5,52	2,94	13,56	38,33	39,65	77,98
Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời giúp người học cải thiện được kết quả học tập (đăng ký học cải thiện điểm, học lại)	3,98	5,82	2,82	16,44	37,67	37,25	74,92
Có quy định rõ ràng về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học và được công bố công khai tới người học	4,09	5,64	2,04	11,22	39,71	41,39	81,1
Có quy định rõ ràng về việc phản hồi (khiếu nại) kết quả đánh giá của người học và được công bố công khai	4,06	5,46	1,98	12,6	40,55	39,41	79,96
Việc thực hiện quy trình thi, đánh giá người học nghiêm túc, đúng quy chế	4,11	5,34	1,74	11,46	39,77	41,69	81,46
Việc khiếu nại về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng	4,02	5,58	1,98	15,9	38,09	38,45	76,54

Nhận xét: Phản hồi của người học về nội dung kiểm tra đánh giá. Hai tỉ lệ hài lòng đạt cao hơn 80% là *Việc thực hiện quy trình thi, đánh giá người học nghiêm túc, đúng quy chế* 81,46% (cao nhất) và *Có quy định rõ ràng về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học và được công bố công khai tới người học* 81,1%. Thấp nhất là tỉ lệ hài lòng với nội dung *Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời giúp người học cải thiện được kết quả học tập (đăng ký học cải thiện điểm, học lại)* 74,92%.

Bảng 4.1.2.5: Kết quả phản hồi người học về tác phong sư phạm của giảng viên trên toàn trường (n=1667)

Nội dung	Trung bình	Tỉ lệ (%)					
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Hài lòng
Giảng viên lên lớp đúng giờ dạy, đủ số tiết theo quy định	4,10	5,64	2,04	11,28	38,93	42,11	81,04
Giảng viên sử dụng ngôn ngữ phù hợp	4,14	5,1	1,8	10,08	40,07	42,95	83,02
Giảng viên chuẩn bị nội dung tài liệu bài giảng tốt	4,07	5,28	2,34	13,08	38,99	40,31	79,3
Giảng viên thể hiện tính chuẩn mực của tác phong nhà giáo, hòa đồng thân thiện và luôn hỗ trợ người học	4,10	5,22	2,46	11,4	38,69	42,23	80,92
Giảng viên nhiệt tình và có trách nhiệm trong giảng dạy	4,10	5,46	2,4	12	36,89	43,25	80,14
Giảng viên tôn trọng người học trong lớp học	3,95	5,58	2,76	18,36	37,25	36,05	73,3
Cố vấn học tập có hỗ trợ học tập cho người học ngoài giờ lên lớp thông qua gặp gỡ hoặc email	4,15	5,16	1,8	9,96	38,87	44,21	83,08

Nhận xét: Phản hồi người học về tác phong sư phạm của giảng viên. Ba tỉ lệ cao là *Cố vấn học tập có hỗ trợ học tập cho người học ngoài giờ lên lớp thông qua gặp gỡ hoặc email* 83,08%; *Giảng viên sử dụng ngôn ngữ phù hợp* 83,02%; *Giảng viên lên lớp đúng giờ dạy, đủ số tiết theo quy định* 81,04%. Ngoài ra, người học còn hài lòng với *Giảng viên thể hiện tính chuẩn mực của tác phong nhà giáo, hòa đồng thân thiện và luôn hỗ trợ người học* 80,92% và *Giảng viên nhiệt tình và có trách nhiệm trong giảng dạy* 80,14%. Tất cả các nội dung nêu trên đều có tỉ lệ hài lòng trên 80%. Tỉ lệ hài lòng thấp nhất cho nội dung *Giảng viên tôn trọng người học trong lớp học* 73,3%, đây là điểm cần cải thiện.

2. Kết quả khảo sát của Khoa Răng hàm mặt

2.1. Thông tin chung về khảo sát của Khoa Răng hàm mặt

Bảng 4.2.1.1: Thông tin chung về khảo sát của Khoa Răng hàm mặt (n=50)

	n	Tỉ lệ (%)
Giới tính		
Nam	30	60
Nữ	20	40
Xếp loại học lực		
Giỏi	9	18
Khá	21	42
Trung bình khá	2	4
Khác	18	36
Thuộc diện học		
Học lần 1	46	92
Khác	4	8

Nhận xét: Về giới tính: nam chiếm tỉ lệ 60%, nữ 40%.

Xếp loại học lực: không có người học đạt loại xuất sắc; loại giỏi chiếm 18%; khá 42%, trung bình khá 4%; không ghi nhận xếp loại 36%.

Về diện học: học lần 1 chiếm đa số 92%; lý do khác chiếm 8%.

2.2. Kết quả về ý kiến phản hồi của người học theo từng nội dung khảo sát của Khoa Khoa Răng hàm mặt

Bảng 4.2.2.1: Kết quả phản hồi của người học đối với cung cấp thông tin về học phần của Khoa Răng hàm mặt (n=50)

Nội dung	Trung bình	Tỉ lệ %					
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Hài lòng
Giảng viên/Bộ môn có phổ biến mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và yêu cầu của học phần	4,46	0,00	2,00	6,00	36,00	56,00	92,00
Giảng viên/Bộ môn có phổ biến hình thức kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá kết quả học tập khi bắt đầu học phần	4,36	2,00	6,00	2,00	34,00	56,00	90,00
Giảng viên/Bộ môn có cung cấp, giới thiệu đầy đủ thông tin về tài liệu học tập như giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo và trang Web	4,4	0,00	6,00	4,00	34,00	56,00	90,00
Thời lượng số tiết dành cho môn học này là phù hợp	3,82	8,00	10,00	10,00	36,00	36,00	72,00
Nội dung bài giảng lý thuyết bám sát đề cương chi tiết học phần	4,1	2,00	2,00	18,00	40,00	38,00	78,00
Học phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4,26	0,00	6,00	12,00	32,00	50,00	82,00

Nhận xét: Có ba nội dung có tỉ lệ hài lòng cao từ 90%: cao nhất là *Giảng viên/Bộ môn có phổ biến mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và yêu cầu của học phần* 92%. Kế tiếp là *Giảng viên/Bộ môn có phổ biến hình thức kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá kết quả học tập khi bắt đầu học phần* 90%, và đến *Giảng viên/Bộ môn có cung cấp, giới thiệu đầy đủ thông tin về tài liệu học tập như giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo và trang Web* 90%.

Nội dung có tỉ lệ hài lòng thấp nhất là *Thời lượng số tiết dành cho môn học này là phù hợp* 72%.

Bảng 4.2.2.2: Kết quả phản hồi của người học về phương pháp giảng dạy của giảng viên của Khoa Răng hàm mặt (n=50)

Nội dung	Trung bình	Tỉ lệ (%)					
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Hài lòng
Giảng viên có giới thiệu về tài liệu phục vụ học tập học phần (giáo trình, bài giảng, sách tham khảo)	4,16	2,00	6,00	8,00	42,00	42,00	84,00
Giảng viên có phương pháp truyền đạt rõ ràng dễ hiểu	4,08	0,00	6,00	14,00	46,00	34,00	80,00
Giảng viên có sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực, khuyến khích sự chủ động tích cực của người học	4,14	2,00	4,00	10,00	46,00	38,00	84,00
Giảng viên yêu cầu người học áp dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn	4,12	2,00	0,00	18,00	44,00	36,00	80,00
Giảng viên có khuyến khích người học chuẩn bị bài vở ở nhà để hỗ trợ các hoạt động học tập diễn ra tại lớp	4,1	2,00	2,00	10,00	56,00	30,00	86,00
Giảng viên áp dụng đa dạng phương pháp dạy học nhằm khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm	4,1	2,00	4,00	12,00	46,00	36,00	82,00
Giảng viên tiếp thu ý kiến đóng góp và phản hồi kịp thời các thắc mắc của người học	4,12	0,00	6,00	10,00	50,00	34,00	84,00
Giảng viên tạo hứng thú học tập cho người học trong giờ học	3,92	0,00	10,00	20,00	38,00	32,00	70,00

Nhận xét: Phản hồi của người học về phương pháp giảng dạy của giảng viên. Tỉ lệ hài lòng dao động từ 70% đến 86%. Tỉ lệ hài lòng thấp nhất là cho nội dung *Giảng viên tạo hứng thú học tập cho người học trong giờ học* 70%. Còn lại đều có tỉ lệ hài lòng từ 80% trở lên. Cao nhất cho nội dung *Giảng viên có khuyến khích người học chuẩn bị bài vở ở nhà để hỗ trợ các hoạt động học tập diễn ra tại lớp* 86%.

Bảng 4.2.2.3: Kết quả phản hồi của người học về nội dung giảng dạy của Khoa Răng hàm mặt (n=50)

Nội dung	Trung bình	Tỉ lệ (%)					
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Hài lòng
Nội dung bài giảng được trình bày đầy đủ so với đề cương chi tiết môn học	4,1	0,00	6,00	12,00	48,00	34,00	82,00
Giảng viên thường xuyên liên hệ nội dung học phần và chương trình đào tạo	4,02	0,00	6,00	16,00	48,00	30,00	78,00
Giảng viên thường xuyên có liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn trong giảng dạy	4,06	2,00	4,00	12,00	50,00	32,00	82,00
Giảng viên cập nhật liên tục các nội dung và thông tin liên quan tới học phần	4,02	2,00	2,00	20,00	44,00	32,00	76,00
Nội dung giảng dạy vừa sức đối với người học	3,98	4,00	4,00	10,00	54,00	28,00	82,00
Nội dung giảng dạy thiết thực hữu ích	4,02	2,00	8,00	8,00	50,00	32,00	82,00

Nhận xét: Phản hồi của người học về nội dung giảng dạy. Có tỉ lệ hài lòng của tất cả các nội dung đều trên 75%. Các tỉ lệ hài lòng cao (đều đạt 82%) là *Nội dung bài giảng được trình bày đầy đủ so với đề cương chi tiết môn học; Giảng viên thường xuyên có liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn trong giảng dạy; Nội dung giảng dạy vừa sức đối với người học; Nội dung giảng dạy thiết thực hữu ích*. Tỉ lệ hài lòng thấp nhất cho nội dung *Giảng viên cập nhật liên tục các nội dung và thông tin liên quan tới học phần* 76%.

Bảng 4.2.2.4: Kết quả phản hồi của người học về nội dung kiểm tra đánh giá của Khoa Răng hàm mặt (n=50)

Nội dung	Trung bình	Tỉ lệ (%)					
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Hài lòng
Hình thức, nội dung đề thi, kiểm tra phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần đã tuyên bố trong đề cương chi tiết học phần	4,16	2,00	6,00	14,00	30,00	48,00	78,00
Tiêu chí/thang điểm đánh giá được công khai	4,3	0	4,00	16,00	26,00	54,00	80,00
Kết quả thi, kiểm tra học tập được nhà trường, bộ môn và giảng viên thông báo nhanh chóng, kịp thời	4,34	0	4,00	14,00	26,00	56,00	82,00
Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời giúp người học cải thiện được kết quả học tập (đăng ký học cải thiện điểm, học lại)	4,34	0	4,00	14,00	26,00	56,00	82,00
Có quy định rõ ràng về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học và được công bố công khai tới người học	4,34	2,00	4,00	4,00	38,00	52,00	90,00
Có quy định rõ ràng về việc phản hồi (khiếu nại) kết quả đánh giá của người học và được công bố công khai	4,3	0	4,00	12,00	34,00	50,00	84,00
Việc thực hiện quy trình thi, đánh giá người học nghiêm túc, đúng quy chế	4,36	0	2,00	14,00	30,00	54,00	84,00
Việc khiếu nại về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng	4,28	0	2,00	20,00	26,00	52,00	78,00

Nhận xét: Phản hồi của người học về nội dung kiểm tra đánh giá. Tỉ lệ hài lòng dao động từ 78% đến 90%. Thấp nhất là tỉ lệ hài lòng với nội dung *Việc khiếu nại về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng* và *Hình thức, nội dung đề thi, kiểm tra phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần đã tuyên bố trong đề cương chi tiết học phần* đều chiếm tỷ lệ 78%. Tất cả các tỉ lệ hài lòng còn lại đều đạt từ 80% trở lên. Cao nhất cho nội dung *Có quy định rõ ràng về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học và được công bố công khai tới người học* 90%. Hai tỉ lệ cao kế tiếp (đạt 84%) là *Có quy định rõ ràng về việc phản hồi (khiếu nại) kết quả đánh giá của người học và được công bố công khai*; *Việc thực hiện quy trình thi, đánh giá người học nghiêm túc, đúng quy chế*.

Bảng 4.2.2.5: Kết quả phản hồi người học về tác phong sư phạm của giảng viên Khoa Răng hàm mặt (n=50)

Nội dung	Trung bình	Tỉ lệ (%)					
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Hài lòng
Giảng viên lên lớp đúng giờ dạy, đủ số tiết theo quy định	4	10,00	2,00	10,00	34,00	44,00	78,00
Giảng viên sử dụng ngôn ngữ phù hợp	4,28	0	2,00	8,00	50,00	40,00	90,00
Giảng viên chuẩn bị nội dung tài liệu bài giảng tốt	4,1	0	4,00	14,00	50,00	32,00	82,00
Giảng viên thể hiện tính chuẩn mực của tác phong nhà giáo, hòa đồng thân thiện và luôn hỗ trợ người học	4,14	0	4,00	16,00	42,00	38,00	80,00
Giảng viên nhiệt tình và có trách nhiệm trong giảng dạy	4,16	2,00	2,00	14,00	42,00	40,00	82,00
Giảng viên tôn trọng người học trong lớp học	4,26	2,00	4,00	12,00	30,00	52,00	82,00
Cố vấn học tập có hỗ trợ học tập cho người học ngoài giờ lên lớp thông qua gặp gỡ hoặc email	4,46	2,00	2,00	4,00	32,00	60,00	92,00

Nhận xét: Phản hồi người học về tác phong sư phạm của giảng viên. Chỉ có một tỉ lệ hài lòng thấp nhất là dưới 80% (đạt 78%) cho nội dung *Giảng viên lên lớp đúng giờ dạy, đủ số tiết theo quy định*. Đây là điểm nên cải thiện. Hai tỉ lệ cao là *Cố vấn học tập có hỗ trợ học tập cho người học ngoài giờ lên lớp thông qua gặp gỡ hoặc email* 92% (cao nhất); *Giảng viên sử dụng ngôn ngữ phù hợp* 90%. Tất cả các nội dung còn lại đều có tỉ lệ hài lòng từ 80% trở lên. Trong đó ba tỉ lệ hài lòng đạt 82% là *Giảng viên chuẩn bị nội dung tài liệu bài giảng tốt*; *Giảng viên nhiệt tình và có trách nhiệm trong giảng dạy*; *Giảng viên tôn trọng người học trong lớp học*.

V . KẾT LUẬN

1. Thông tin chung về khảo sát của Khoa Răng hàm mặt

Về giới tính: nam chiếm tỉ lệ 60%, nữ 40%. Xếp loại học lực: không có người học đạt loại xuất sắc; loại giỏi chiếm 18%; khá 42%, trung bình khá 4%; không ghi nhận xếp loại 36%. Về diện học: học lần 1 chiếm đa số 92%; lý do khác chiếm 8%.

2. Kết quả về ý kiến phản hồi của người học theo từng nội dung khảo sát của Khoa Răng hàm mặt

2.1 Kết quả phản hồi của người học đối với cung cấp thông tin về học phần của Khoa Răng hàm mặt

Có ba nội dung có tỉ lệ hài lòng cao từ 90%: cao nhất là *Giảng viên/Bộ môn có phổ biến mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và yêu cầu của học phần* 92%. Kế tiếp là *Giảng viên/Bộ môn có phổ biến hình thức kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá kết quả học tập khi bắt đầu học phần* 90%, và đến *Giảng viên/Bộ môn có cung cấp, giới thiệu đầy đủ thông tin về tài liệu học tập như giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo và trang Web* 90%.

Nội dung có tỉ lệ hài lòng thấp nhất là *Thời lượng số tiết dành cho môn học này là phù hợp* 72%.

2.2. Kết quả phản hồi của người học về phương pháp giảng dạy của giảng viên của Khoa Răng hàm mặt

Phản hồi của người học về phương pháp giảng dạy của giảng viên. Tỉ lệ hài lòng dao động từ 70% đến 86%. Tỉ lệ hài lòng thấp nhất là cho nội dung *Giảng viên tạo hứng thú học tập cho người học trong giờ học* 70%. Còn lại đều có tỉ lệ hài lòng từ 80% trở lên. Cao nhất cho nội dung *Giảng viên có khuyến khích người học chuẩn bị bài vở ở nhà để hỗ trợ các hoạt động học tập diễn ra tại lớp* 86%.

2.3. Kết quả phản hồi của người học về nội dung giảng dạy của Khoa Răng hàm mặt

Phản hồi của người học về nội dung giảng dạy. Có tỉ lệ hài lòng của tất cả các nội dung đều trên 75%. Các tỉ lệ hài lòng cao (đều đạt 82%) là *Nội dung bài giảng được trình bày đầy đủ so với đề cương chi tiết môn học*; *Giảng viên thường xuyên có liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn trong giảng dạy*; *Nội dung giảng dạy vừa sức đối với người học*; *Nội dung giảng dạy thiết thực hữu ích*. Tỉ lệ hài lòng thấp nhất cho nội dung *Giảng viên cập nhật liên tục các nội dung và thông tin liên quan tới học phần* 76%.

2.4. Kết quả phản hồi của người học về nội dung kiểm tra đánh giá của Khoa Răng hàm mặt

Phản hồi của người học về nội dung kiểm tra đánh giá. Tỉ lệ hài lòng dao động từ 78% đến 90%. Thấp nhất là tỉ lệ hài lòng với nội dung *Việc khiếu nại về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng và Hình thức, nội dung đề thi, kiểm tra phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần đã tuyên bố trong đề cương chi tiết học phần* đều chiếm tỷ lệ 78%. Tất cả các tỉ lệ hài lòng còn lại đều đạt từ 80% trở lên. Cao nhất cho nội dung *Có quy định rõ ràng về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học và được công bố công khai tới người học* 90%. Hai tỉ lệ cao kế tiếp (đạt 84%) là *Có quy định rõ ràng về việc phản hồi (khiếu nại) kết quả đánh giá của người học và được công bố công khai*; *Việc thực hiện quy trình thi, đánh giá người học nghiêm túc, đúng quy chế*

2.5. Kết quả phản hồi người học về tác phong sư phạm của giảng viên Khoa Răng hàm mặt

Phản hồi người học về tác phong sư phạm của giảng viên. Chỉ có một tỉ lệ hài lòng thấp nhất là dưới 80% (đạt 78%) cho nội dung *Giảng viên lên lớp đúng giờ dạy, đủ số tiết theo quy định*. Đây là điểm nên cải thiện. Hai tỉ lệ cao là *Cố vấn học tập có hỗ trợ học tập cho người học ngoài giờ lên lớp thông qua gặp gỡ hoặc email* 92% (cao nhất); *Giảng viên sử dụng ngôn ngữ phù hợp* 90%. Tất cả các nội dung còn lại đều có tỉ lệ hài lòng từ 80% trở lên. Trong đó ba tỉ lệ hài lòng đạt 82% là *Giảng viên chuẩn bị nội dung tài liệu bài giảng tốt*; *Giảng viên nhiệt tình và có trách nhiệm trong giảng dạy*; *Giảng viên tôn trọng người học trong lớp học*./

Nơi nhận:

- Khoa Răng hàm mặt;
- Lưu: VT, P.BĐCL (Tâm_02b).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

(Đã ký)

TS.BS. Phùng Đức Nhật